

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **45/2020/DS -PT**

Ngày 05 - 11- 2020

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hà

Các Thẩm phán:

Ông Hà Văn Chương

Bà Nguyễn Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Hữu San - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hữu Tình - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 05 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2020/TLPT-DS ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST, ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 43/2020/QĐ-PT, ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Anh Nguyễn Đức C (tên thường gọi: M), sinh năm 1974 và chị Đào Thị Thu H, sinh năm 1983.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Đào Thị Thu H: Anh Nguyễn Đức C (là nguyên đơn trong vụ án).

Cùng địa chỉ: Tổ 2, phường N, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

- Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1981 và chị Hoàng Ánh X, sinh năm 1984.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Hoàng Ánh X: Ông Nguyễn Mạnh Th, sinh năm 1952.

Cùng địa chỉ: Tổ 2, phường N, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

(Anh C, anh T và ông Th đều có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn:

- Ông Mai Xuân C, sinh năm 1964.

- Ông Vũ Quang K, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Tổ 2, phường N, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

(Ông C, ông K có mặt tại phiên tòa)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- UBND phường N, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình Nh, chức vụ: Chủ tịch
(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Vũ Thị Ph, sinh năm 1922.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 2, phường N, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 314, tổ 14, phường P, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang
(Vắng mặt tại phiên tòa).

- Bà Lại Thị X, sinh năm 1934.

Địa chỉ: Tổ 2, phường N, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang
(Vắng mặt tại phiên tòa).

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Mai Xuân C và ông Vũ Quang K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Đức C (M) và chị Đào Thị Thu H trình bày:*

Năm 2013, anh chị có mua 01 thửa đất diện tích 90m² tại tổ 04 (nay là tổ 2), phường N, thành phố Q và đã được UBND thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 427737, sổ vào sổ cấp giấy CH 001616 ngày 09/10/2013 mang tên hộ ông Nguyễn Đức C và bà Đào Thị Thu H, địa chỉ thửa đất số 701, tờ bản đồ số 34. Nguồn gốc đất anh chị mua của ông Vũ Văn L và bà Lương Thị M. Sau khi mua bán xong, gia đình anh chị đã làm thủ tục và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi mua và khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận không có tranh chấp gì, cuối năm 2016, anh chị cuộc đất để làm nhà thì xảy ra tranh chấp, ông Mai Xuân C và ông Vũ Quang K đã tự ý nhận một phần đất phía trước thửa đất nhà anh chị là con đường bê tông đi vào gia đình các ông thuộc đất của ông cha các ông khai phá từ năm 1945 để lại, ông Mai Xuân C đã tự ý xây một hàng gạch chắn trên đất của gia đình anh chị. Thực tế trước đây có con đường nhưng con đường đó đã có từ rất lâu và là đường đi chung của các hộ dân trong đó có hộ nhà ông V bà Ph (bố mẹ đẻ ông C); ông Ng bà X (bố mẹ đẻ ông K).

Đường đi chung này đã nằm trong sơ đồ đo vẽ của các cấp có thẩm quyền vì khi Nhà nước làm đường dẫn cầu Tân Hà cũng đã vẽ con đường này là đường đi chung, không nằm trong phần đất của bất kỳ hộ dân nào, không có ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay đóng thuế đất hàng năm đối với phần diện tích đất thuộc đường đi chung này. Nay ông Mai Xuân C tự ý xây một

hàng gạch chắn trước cửa mảnh đất của gia đình anh chị và yêu cầu anh chị phải bồi thường cho các ông tiền công khai phá và san ủi mặt bằng ở phần đường đi này là không đúng, không có căn cứ, mặc dù sự việc đã được hoà giải nhiều lần tại tổ và phường nhưng không có kết quả. Nay anh chị khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân thành phố Q giải quyết buộc hai ông Mai Xuân C và ông Vũ Quang K phải tự tháo dỡ hàng rào đã xây và trả lại diện tích đất cho anh chị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh chị đã được cấp.

** Nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh T, chị Hoàng Ánh X trình bày:*

Năm 2016, anh chị có mua 01 thửa đất tại tổ 04 (nay là tổ 2), phường N, thành phố Q và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 261762, số vào sổ cấp giấy CS02898 ngày 26/10/2016 mang tên ông Nguyễn Mạnh T và bà Hoàng Ánh X đối với thửa đất số 700, tờ bản đồ số 34, tại địa chỉ tổ 04 (nay là tổ 2), phường N, thành phố Q, tổng diện tích được cấp là 98,1m², trong đó đất ở đô thị là 81,1m², đất trồng cây lâu năm là 17m². Nguồn gốc đất anh chị mua của ông Quách Văn F và bà Phạm Thị R trú tại thôn Phia Lài, xã S, huyện Z, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi mua bán với ông F và bà R xong, gia đình anh đã làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi mua và khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận không có tranh chấp gì nhưng đến đầu năm 2017 ông Mai Xuân C và ông Vũ Quang K đã tự ý nhận ý nhận một phần đất phía trước đất nhà anh chị là đất của ông cha các ông khai phá từ năm 1945 để lại, ông C đã tự ý xây một hàng gạch chắn trên đất của gia đình anh chị. Thực tế con đường này đã có từ rất lâu là đường đi chung của các hộ dân trong đó có hộ nhà ông V bà Ph (bố mẹ đẻ ông C); ông Ng bà X (bố mẹ đẻ ông K).

Đường đi chung này đã nằm trong sơ đồ đo vẽ của các cấp có thẩm quyền vì khi Nhà nước làm đường dẫn cầu Tân Hà cũng đã vẽ con đường này là đường đi chung, không nằm trong phần đất của bất kỳ hộ dân nào, không có ai được cấp giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay đóng thuế đất hàng năm đối với phần diện tích đất thuộc đường đi chung. Nay ông Mai Xuân C tự ý xây một hàng gạch chắn trước cửa mảnh đất của gia đình anh chị (phần lối đi chung) và xây lấn vào phần đất của anh chị đã được cấp khoảng 16,2m² và yêu cầu anh chị phải bồi thường cho các ông tiền công khai phá và san ủi mặt bằng là không đúng, không có căn cứ, mặc dù sự việc đã được hoà giải nhiều lần tại tổ và phường nhưng không có kết quả. Nay anh chị khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân thành phố Q giải quyết buộc hai ông Mai Xuân C và ông Vũ Quang K phải tự tháo dỡ hàng rào đã xây và trả lại diện tích đất cho anh chị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh chị đã được cấp.

** Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Mai Xuân C trình bày:*

Năm 1945, ông Mai Văn V và bà Vũ Thị Ph (bố mẹ ông) có khai phá một mảnh đất đồi tại xóm 4 xã Y, (nay là tổ 04, phường N). Năm 1969, do nước ngập vào nhà gia đình ông đã phải lên đồi để ở và đã tự cắt 01 phần diện tích đất

để làm đường đi cho đến nay vẫn là đường đi chung, con đường này đã được UBND xã Y cấp xi măng cho gia đình để đổ bê tông làm đường. Năm 2004, Gia đình ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có phần diện tích của con đường này. Trước kia về hiện trạng đất là mảnh đồi cao, gia đình ông cùng gia đình bác Vũ Tá Ng đã đổ bê tông để làm con đường đi chung dài 40m, rộng 2,8m. Năm 2007, Nhà nước mở đường dẫn lên cầu Tân Hà do phần đất này không nằm trong diện bị thu hồi nên gia đình ông vẫn sử dụng để đi lại. Sau đó, gia đình anh Nguyễn Đức C nhận chuyển nhượng đất của ông L và bà M và gia đình anh Nguyễn Mạnh T nhận chuyển nhượng đất của ông F bà R. Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Nhà nước đã cấp cả phần đất con đường của nhà ông đang sử dụng vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình anh T, anh C trong khi thực tế diện tích đất của hai ông bà L và M, ông bà F R không có con đường này.

Trước yêu cầu khởi kiện của anh C, chị H và anh T, chị X ông không nhất trí, đề nghị Toà án giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trả lại đất tranh chấp cho gia đình ông.

** Bị đơn ông Vũ Quang K trình bày:*

Năm 1945 ông Vũ Tá Ng bà Lại Thị X (bố mẹ ông) có khai phá một mảnh đất đồi tại xóm 4 xã Y, (nay là tổ 04, phường N). Năm 1969, do nước ngập vào nhà gia đình đã phải lên đồi để ở và đã tự cắt một phần diện tích đất tranh chấp để làm đường đi cho đến nay vẫn là đường đi chung, con đường này đã được UBND xã Y cấp xi măng cho gia đình để đổ bê tông làm đường. Năm 2004, gia đình ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trong Giấy không có phần diện tích của con đường này. Trước kia về hiện trạng đất là mảnh đồi cao, gia đình ông cùng gia đình bà Vũ Thị Ph đã đổ bê tông để làm con đường đi chung dài 40m, rộng 2,8m. Năm 2007, Nhà nước mở đường dẫn lên cầu N do phần đất này không nằm trong diện bị thu hồi nên gia đình ông vẫn sử dụng để đi lại. Sau đó, gia đình anh Nguyễn Đức C nhận chuyển nhượng đất của ông L và bà M và gia đình anh Nguyễn Mạnh T nhận chuyển nhượng đất của ông F bà R. Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Nhà nước đã cấp cả phần đất con đường của nhà ông đang sử dụng vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình anh T, anh C trong khi thực tế diện tích đất của hai ông bà L và M, ông bà F R không có con đường này.

Trước yêu cầu khởi kiện của anh C, chị H và anh T, chị X ông không nhất trí, đề nghị Toà án giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trả lại đất tranh chấp cho gia đình ông.

** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Đại diện UBND phường N trình bày: Căn cứ bản đồ địa chính năm 1997, sổ mục kê đất năm 1997 con đường đi vào hộ nhà bà Vũ Thị Ph thuộc thửa đất số 671 tờ bản đồ số 34 là đất giao thông thuộc nhà nước quản lý. Con đường này

là đường đi chung vào thửa đất số 407, tờ bản đồ 28, chủ sử dụng đất là Vũ Tá Ng và thửa đất số 14, tờ bản đồ số 34, chủ sử dụng đất là Mai Văn V.

Bà Vũ Thị Ph trình bày: Bà là mẹ đẻ của ông Mai Xuân C. Nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp trong vụ án là do gia đình bà khai phá, sử dụng từ trước năm 1945 và bỏ ra để làm đường đi vào gia đình mình. Nay do tuổi cao sức khỏe yếu nên bà không thể đến tham gia tố tụng giải quyết vụ án được, bà đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng trong vụ án. Mọi quyết định và ý kiến của ông Mai Xuân C cũng là ý kiến của bà tại Tòa.

Bà Lại Thị X trình bày: Bà là mẹ đẻ của ông Vũ Quang K. Nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp trong vụ án là do gia đình bà khai phá, sử dụng từ trước năm 1945 và bỏ ra để làm đường đi vào gia đình. Nay do tuổi cao sức khỏe yếu, việc đi lại khó khăn nên đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng trong vụ án. Mọi ý kiến của ông K cũng là ý kiến của bà tại Tòa.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân thành phố Q thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q đã quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 147, 155, 158, 163, 165, 166, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, 106 166, 170 Luật Đất đai năm 2013; Điều 158, 161, 221, 235, 274, 277, 281 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn:

- Ông Mai Xuân C có nghĩa vụ phá dỡ hàng rào xây gạch ximăng chiều cao 0.2m, chiều dài trên đất nhà anh Nguyễn Đức C, chị Đào Thị Thu H là 7,57m và chiều dài trên đất nhà anh Nguyễn Mạnh T, chị Hoàng Ánh X là 4,87m.

- Anh Nguyễn Đức C (M) và chị Đào Thị Thu H được quyền sử dụng 24,981m² đất ở đô thị nằm trong tổng số 90m² đất ở đô thị, thửa đất số 701, tờ bản đồ số 34 tại tổ 4 (nay là tổ 2), phường N, thành phố Q đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN427737 do UBND thành phố Q cấp ngày 09/10/2013 mang tên Nguyễn Đức C và Đào Thị Thu H.

- Anh Nguyễn Mạnh T và chị Hoàng Ánh X được quyền sử dụng 15,136m² đất ở đô thị nằm trong tổng số 98,1m² (trong đó có 81,1m² đất ở đô thị và 17 m² đất trồng cây lâu năm), thửa đất số 700, tờ bản đồ số 34 tại tổ 4 (nay là tổ 2), phường N, thành phố Q đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT261762 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 26/10/2016 mang tên Nguyễn Mạnh T và Hoàng Thị X.

Ngoài ra, bản án còn giải quyết về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/5/2020 Tòa án nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Mai Xuân C và ông Vũ Quang K, đơn kháng cáo có nội dung: Con đường bê tông từ trước đến nay vẫn là của hai gia đình chúng tôi, gia đình bà M và ông L khi bán đất không công khai cho các bên ký giáp ranh, cho nên khi Nhà nước cấp giấy chứng nhận cho anh T và anh C đã cấp sai, đề nghị Tòa án khảo sát lại phần đất của chúng tôi theo các tài liệu, chứng cứ chúng tôi đã nộp bao gồm đơn đề nghị xác nhận phần đất của hai bà Vũ Thị Ph và bà Lại Thị X; giấy hợp đồng san ủi mặt bằng; giấy xác nhận của tổ dân phố. Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn ông Mai Xuân C và ông Vũ Quang K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T chị X, anh C chị H vì con đường bê tông trước đây là của gia đình các ông, nay diện tích con đường này lại được cấp vào trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình anh T chị X, anh C chị H. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình anh T chị X, anh C chị H là sai. Đề nghị HĐXX xem xét lại quyết định của Bản án sơ thẩm.

Các nguyên đơn anh Nguyễn Xuân C (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Đào Thị Thu H) và anh Nguyễn Mạnh T (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Hoàng Ánh X) không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn ông Mai Xuân C, ông Vũ Quang K là hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm có nhiều thiếu sót về thủ tục tố tụng ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; việc xác minh thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Những thiếu sót này không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm. Do vậy, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng cáo của các bị đơn Mai Xuân C, Vũ Quang K hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/DS – ST, ngày 04/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Do cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo nên bị đơn ông Mai Xuân C và ông Vũ Quang K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về yêu cầu kháng cáo bị đơn ông Mai Xuân C và ông Nguyễn Quang K, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh T, chị Hoàng Anh X và anh Nguyễn Đức C chị Đào Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Mai Xuân C và ông Vũ Quang K phải tháo dỡ bức tường rào đã xây và trả lại trên diện tích đất cho gia đình các anh chị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình các anh chị đã được cấp. Anh C, anh T cho rằng phần đất phía trước của gia đình các anh là đường đi chung của các hộ dân không phải đất của gia đình ông C, ông K. Bị đơn ông Mai Xuân C và ông Vũ Quang K thì cho rằng trong diện tích đất gia đình anh C chị H, anh T chị X được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có phần đất là con đường đi vào nhà của gia đình các ông, các ông chỉ xây bức tường rào lên phần đất con đường của gia đình các ông trước đây không xây vào đất của gia đình anh C và gia đình anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm có thực hiện xem xét thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của nguyên đơn đối với hiện trạng sử dụng đất tại 02 thửa đất: Thửa đất số 700 tờ bản đồ số 34 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT261762, số vào sổ cấp giấy CS02898 ngày 26/10/2016 mang tên ông Nguyễn Mạnh T và Hoàng Anh X và thửa đất số 701, tờ bản đồ số 34 được Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN427737, số vào sổ cấp giấy CH 001616 ngày 09/10/2013 mang tên hộ ông Nguyễn Đức C và bà Đào Thị Thu H. Vị trí 02 thửa đất đều thuộc tổ 4, phường N, thành phố Q và xác định diện tích đất tranh chấp giữa hai bên. Tuy nhiên trong Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ không xác định phần diện tích đất đang tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn, không có sơ đồ đo vẽ thể hiện hiện trạng đất tranh chấp, diện tích đất tranh chấp để làm căn cứ giải quyết trong bản án sơ thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với gia đình ông Nguyễn Đức C (M), bà Đào Thị Thu H. Khi đưa UBND phường N, thành phố Q, bà Vũ Thị Ph và bà Lại Thị X vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo về việc đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng cho các đương sự khác trong vụ án được biết; không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không hòa giải có sự tham gia của đại diện UBND phường N, bà Vũ Thị Ph, bà Lại Thị X là vi phạm về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại khoản 11 Điều 70 và quy định về thành phần phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải quy định tại Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bản án sơ thẩm tuyên bị đơn phải chịu chi phí tố tụng song chưa đủ tài liệu thể hiện các chi phí tố tụng; việc thu thập chứng cứ và chứng minh của cấp sơ thẩm chưa được thực hiện đầy đủ và không thể bổ sung được tại phiên tòa phúc thẩm. Những thiếu sót trên là nghiêm trọng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà chưa được thực hiện theo trình tự sơ thẩm, không thể khắc phục được tại giai đoạn

phúc thẩm. Do đó HĐXX thấy rằng cần chấp nhận một phần kháng cáo của các bị đơn ông Mai Xuân C, ông Vũ Quang K, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm như ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang trình bày tại phiên tòa phúc thẩm.

[2] Về án phí phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo ông Mai Xuân C và ông Vũ Quang K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Mai Xuân C, ông Vũ Quang K.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/DS - ST ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Mai Xuân C, ông Vũ Quang K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông Mai Xuân C số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu số 0000450 ngày 15/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho ông Vũ Quang K số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu số 0000449 ngày 15/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (05/11/2020).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Hà

